

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2023/HNGĐ**

Ngày: 15/6/2023

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo
2. Bà Lê Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan
- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/ TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 91/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 và “Thông báo thay thế thành viên những người tiến hành tố tụng và thời gian mở lại phiên tòa” số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)

HKTT: SN .., TĐ, phường BĐ, thành phố TH, tỉnh TH

Nơi ở hiện tại: Lô ..., LC, phường AH, thành phố TH, tỉnh TH

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1978 (*Có mặt*)

HKTT: SN .., TĐ, phường BĐ, thành phố TH, tỉnh TH

Nơi ở hiện tại: Lô ..., LC, phường AH, thành phố TH, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/8/2002. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên năm 2020 vợ chồng làm đơn thuận tình ly hôn, được Tòa án hòa giải nên vợ chồng rút đơn để đoàn tụ. Sau khi rút đơn về đoàn tụ vợ chồng đã rất cố gắng để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vẫn thường xuyên cãi chửi nhau, không

chia sẻ được với nhau. Vì vậy chị đã ra ở riêng từ khoảng giữa năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, việc ai người đó làm, không liên quan đến nhau cả về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể khắc phục được, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh H;

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Hồng M, sinh ngày 19/02/2003 và Lê Thị Phương K, sinh ngày 06/3/2011. Từ khi vợ chồng ly thân cháu M ở với anh H, cháu Phương K ở với chị, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi Phương K sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu Hồng M đã thành niên, phát triển bình thường chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Lê Văn H: Tại bản tự khai anh H khai thống nhất với lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian không chung sống cũng như thực trạng đời sống vợ chồng. Tuy nhiên anh cho rằng giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì. Năm 2020 vợ chồng có làm đơn ly hôn là do chị H yêu cầu. Từ năm 2020 anh chị không sống cùng nhau là do hoàn cảnh gia đình chứ không phải mâu thuẫn. Vì vậy anh H không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ; *Về con chung:* Anh thống nhất có hai con chung như chị H trình bày, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi Phương K, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh cũng đồng ý; *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/3/2023 cháu Phương K có đơn đề nghị xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ngày 07/3/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương (phường AH, TP.TH) kết quả xác định: Chị H anh H chung sống tại phường AH, TP.TH; Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, hiện đang sống ly thân; Anh chị có hai con chung là Lê Văn Hồng M và Lê Thị Phương K; Hiện cháu K ở với mẹ, cháu M (đã thành niên) sống cùng với bố; Về tài sản chung nợ chung của anh chị địa phương không rõ; Việc anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ “Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận CKCC” và nhiều lần tổng đạt hợp lệ “Thông báo phiên hòa giải” cho anh H song anh H không có mặt tại phiên hoà giải. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được; Tòa án đã “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ” cho anh H, anh H không có ý kiến gì.

Ngày 06/4/2023, Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa có “Quyết định đưa vụ án ra xét xử”, quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho chị H anh H. Tại phiên tòa ngày 28/4/2023, anh H có mặt, chị H vắng mặt (do bị ốm), không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa và “Thông báo thời gian mở lại phiên tòa” vào 14 giờ 00 phút ngày 26/5/2023, thông báo đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 26/5/2023 chị H có mặt, anh H vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa và “Thông báo

thời gian mở lại phiên tòa” vào 07 giờ 30 phút ngày 15/6/2023, thông báo đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H giữ nguyên quan điểm xin đoàn tụ, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi cháu K anh không phải cấp dưỡng, tài sản công nợ anh không yêu cầu giải quyết. Chị Phạm Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong đơn chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H, xin được trực tiếp nuôi Phương K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nợ chung.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX và chị H kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của anh H không đầy đủ quy định. Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H; Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn; Nơi cư trú của bị đơn tại thành phố Thanh Hóa, do đó Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay anh H có mặt, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 01/8/2002, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Tháng 02/2020 anh chị đã làm đơn ly hôn sau đó được hòa giải nên rút đơn đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi rút đơn vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay, chấm dứt quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay chị H xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H không thể khắc phục được; Cuộc sống chung không hạnh phúc; Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết ly hôn anh H. Yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và hoàn toàn tự nguyện.

Về phía anh H, mặc dù không đồng ý ly hôn song thời gian vợ chồng ly thân bản thân anh không có bất cứ biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và gắn kết tình cảm vợ chồng; Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hoà giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc anh H xin đoàn tụ không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Hiền là có cơ sở và tự nguyện, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 điều 56 - Luật HN&GD chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H

[2.2] *Về con chung*: Chị Phạm Thị H và anh Lê Văn H có 02 con chung là Lê Văn Hồng M, sinh ngày 19/02/2003 và Lê Thị Phương K, sinh ngày 06/3/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu K sống cùng chị H, do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi Phương K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H đồng ý; Cháu Phương K cũng có đơn xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của chị H là chính đáng, hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật HN&GD nên HĐXX chấp nhận. Cháu Hồng M đã thành niên, phát triển bình thường HĐXX không xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] *Về án phí*: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Lê Văn H

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Phương K, sinh ngày 06/3/2011 (con chung của chị H và anh H). Anh Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Cháu Lê Văn Hồng M đã thành niên, phát triển bình thường HĐXX không xét.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002737 ngày 07/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Ba Đình, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga